

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thế Căn và bà Đinh Thanh Hoàn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: ông Vương Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023. Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Nơi thường trú: thôn 6, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984

Nơi thường trú: thôn 6, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2022 và bản tự khai ngày 04/11/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 9 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về điểm quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái; mặt khác, anh M có hành vi bạo lực chị H cả về thể xác và tinh thần; mâu thuẫn ngày càng căng thẳng từ năm 2012 khi chị H mang bầu cháu Nguyễn Hải V đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn đỉnh điểm là từ tháng 11/2021 cộng với tác động của gia đình nhà chồng nên vợ chồng đã xảy ra xô xát ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, thể chất và đặc biệt

là ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của các con. Nay chị H thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 13/6/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/8/2018. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K; anh M có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh M vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến của mình về vụ án.

Theo kết quả xác minh tại thôn 6, xã H, thành phố M được biết: sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh M sinh sống tại xã H được 02 năm, trước đây chị H và anh M thuê nhà và sinh sống tại thành phố M. Trong thời gian sinh sống với nhau tại địa phương chị H và anh M phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì thôn 6, xã H, thành phố M không nắm được. Chị H đã bỏ nhà đi được 04 tháng, mang theo cháu Nguyễn Minh K và cho cháu K đi học lớp tự kỷ của Trung tâm Minh Trí tại thành phố M, cháu Nguyễn Hải V đang ở cùng với anh M tại địa phương, cháu V cũng bị tự kỷ và đang được hưởng trợ cấp trẻ em khuyết tật hằng tháng.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị H có đơn xin xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: giao cháu Nguyễn Minh K cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Hải V cho

anh Nguyễn Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi, chị H, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có; về công nợ chung: tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: về quan hệ tranh chấp chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn, theo qui định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có đăng ký thường trú tại thôn 6, xã Hải Đông, thành phố M theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án nhân dân thành phố M tổng đạt văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo qui định của pháp luật nhưng anh M vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử, xử vắng mặt chị H và anh M theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn M kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị H, anh M trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra; nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về điểm quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái; mặt khác, anh M có hành vi bạo lực chị H cả về thể xác và tinh thần từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến chị H không cam chịu được nên đã sống ly thân được khoảng 04 tháng tính đến ngày 18/11/2022, cắt đứt quan hệ với nhau. Anh M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị H xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, như vậy thể hiện anh M không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 13/6/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/8/2018. Hiện nay cháu K đang ở cùng với chị H tại thành phố M được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; từ khi chị H bỏ đi cháu V ở cùng anh M và ông bà nội tại thôn 6, xã H, thành phố M được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, còn phù

hợp với nguyện vọng của cháu V. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Minh K cho chị H, giao cháu Nguyễn Hải V cho anh M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là quyền định đoạt của chị H nên cần chấp nhận. Anh Nguyễn Văn M trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt nên không thể hiện được quan điểm của mình về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, anh M có quyền yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[6] Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về công nợ chung tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H;

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/8/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung Nguyễn Hải V, sinh ngày 13/6/2011 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0007655,

ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M; chị đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố M;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã H, TP. M;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương